

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BẢO LỘC
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 27-4-2020

V/v: Ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẢO LỘC, TỈNH LÂM ĐỒNG**

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Nguyễn Thanh Trúc

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Cầm Văn Nam

2. Bà Nguyễn Thị Kim Huê

- Thư ký phiên tòa: Bà Đoàn Thị Anh Đào – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Ông Trần Văn Tuấn - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 4 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 423/2019/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 12 năm 2019 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 3 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 04/2020/QĐST-HNGĐ ngày 20 tháng 4 năm 2020 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà **Lê Ái T**, sinh năm 1978. Nơi cư trú: khóm 1, thị trấn L, huyện L, tỉnh Vĩnh Long. *Vắng mặt.*

2. *Bị đơn:* Ông **Thái Đình T1**, sinh năm 1975. Nơi cư trú: đường T, phường L, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng. *Vắng mặt.*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình xét xử nguyên đơn bà Lê Ái T trình bày: Bà và ông Thái Đình T1 tự nguyện đăng ký kết hôn và được UBND xã V, huyện A, tỉnh Kiên Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn số 54 ngày 20/4/2016. Sau khi kết hôn cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc luôn phát sinh mâu thuẫn, cả hai hay cãi vã, bất đồng nhiều vấn đề trong cuộc sống, nguyên nhân chủ yếu là do ông T1 thường xuyên nhậu, đánh đập bà. Hiện vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 4/2018, bà về Vĩnh Long sinh sống, ông T1 sống ở Bảo Lộc, mạnh ai nấy sống không còn quan tâm lẫn nhau, bà

xác định tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với ông T1.

Về con chung: Vợ chồng có một con chung tên Thái Ngọc Bảo Tr, sinh ngày 24/11/2012 hiện đang ở với bà. Ly hôn bà yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung cho tới khi thành niên và không yêu cầu ông T1 cấp dưỡng nuôi con vì bà có thu nhập, nơi ở ổn định.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà xác định không có.

Ông T1 đã được Tòa án tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án và triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn cố tình vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 207, khoản 2 Điều 208 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ mà không tiến hành hòa giải.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bảo Lộc phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng theo quy định pháp luật. Đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình 2014 cho bà T ly hôn với ông T1 vì mục đích hôn nhân không đạt; giao con chung cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào ý kiến của đại diện Viện kiểm sát; Tòa án nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa, nguyên đơn bà Lê Ái T có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, bị đơn ông Thái Đình T1 đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt và không thuộc trường hợp bất khả kháng, nên căn cứ khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự để xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[2]. Về quan hệ tranh chấp: Bà T khởi kiện yêu cầu Tòa án cho ly hôn với ông T1 hiện cư trú tại phường L, thành phố Bảo Lộc. Do vậy, xác định đây là tranh chấp ly hôn theo khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Bảo Lộc theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3]. Quan hệ hôn nhân giữa bà T và ông T1 là hợp pháp do hôn nhân tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Trong quá trình chung sống, vợ chồng đã phát sinh mâu thuẫn, bà T xác định không còn tình cảm với ông T1, cuộc sống vợ chồng không thể hòa hợp được nên yêu cầu được ly hôn với ông T1. Xét thấy qua xác minh thực tế tại chính quyền địa phương và hàng xóm của ông T1, bà T thì hiện cả hai đã sống ly thân gần hai năm nay, mỗi người sống một nơi, không có sự quan tâm, chăm sóc lẫn nhau,

mạnh ai nấy sống. Do đó, thực trạng quan hệ hôn nhân của bà T và ông T1 đã thể hiện mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng và kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt. Nên áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà T.

[4]. Bà T và ông T1 có một con chung tên Thái Ngọc Bảo Tr, sinh ngày 24/11/2012 hiện đang ở với bà T. Ly hôn bà T yêu cầu trực tiếp được nuôi dưỡng con chung, xét thấy bà T có công việc, nơi ở và thu nhập ổn định đủ điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con; hơn nữa cháu Trâm cũng có nguyện vọng ở với mẹ nên để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt và tránh sự xáo trộn trong cuộc sống của con chấp nhận yêu cầu của bà T, giao con chung cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi thành niên là phù hợp. Về cấp dưỡng nuôi con bà T không yêu cầu nên không xem xét.

[5]. Về tài sản chung và nợ chung: Bà T trình bày không có nên không đề cập.

[6]. Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có cơ sở và phù hợp quy định của pháp luật nên chấp nhận.

[7]. Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm không có giá ngạch theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 56, 58 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Cho bà Lê Ái T ly hôn ông Thái Đình T1.

2. Về nuôi con chung: Giao con chung tên Thái Ngọc Bảo Tr, sinh ngày 24/11/2012 cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi thành niên.

Việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn và thay đổi nuôi con được thực hiện theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình.

3. Về án phí: Bà T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số AA/2016/0016443 ngày 03 tháng 12 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng; Bà T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND TP. Bảo Lộc;
- Chi cục THADS TP. Bảo Lộc;
- UBND X. Vân Khánh, H. An Minh, T. Kiên Giang;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký và đóng dấu)

Huỳnh Nguyễn Thanh Trúc

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Các Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Huỳnh Nguyễn Thanh Trúc

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BẢO LỘC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

TỈNH LÂM ĐỒNG

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi 10 giờ 45 phút, ngày 27 tháng 4 năm 2020. Tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng.

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Nguyễn Thanh Trúc

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Kim Huế
2. Ông Cầm Văn Nam

Tiến hành nghị án vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 423/2019/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 12 năm 2019 về việc “Tranh chấp ly hôn” giữa nguyên đơn bà Lê Ái T và bị đơn ông Thái Đình T1.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, các quy định của pháp luật.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU

Về điều luật áp dụng:

Căn cứ khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Áp dụng các Điều 56, 58 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Biểu quyết: 3/3

Về yêu cầu của đương sự:

Ý kiến hội thẩm Nam: Thực trạng hôn nhân giữa bà T và ông T1 thể hiện mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, chấp nhận cho bà T ly hôn với ông T1.

Ý kiến hội thẩm Huế: Thống nhất ý kiến của hội thẩm Nam và bổ sung thêm ý kiến đối với con chung Thái Ngọc Bảo Tr, sinh ngày 24/11/2012 hiện đang ở với bà T. Ly hôn bà T yêu cầu trực tiếp được nuôi dưỡng con chung, xét thấy bà T có công việc, nơi ở và thu nhập ổn định đủ điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con; hơn nữa cháu Trâm cũng có nguyện vọng ở với mẹ nên để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con, chấp nhận yêu cầu của bà T, giao con chung cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp. Về cấp dưỡng nuôi con bà T không yêu cầu nên không xem xét.

Ý kiến thẩm phán Trúc: Thống nhất ý kiến của hai vị Hội thẩm.

Biểu quyết: 3/3

Về án phí:

Bà T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng.

Biểu quyết: 3/3

Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo luật định.

Biểu quyết: 3/3

Nghị án kết thúc vào hồi 11 giờ 00 phút, ngày 27 tháng 4 năm 2020. Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Huỳnh Nguyễn Thanh Trúc